

Số : 0304/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30** / *Fund name: VFMVN30 ETF*
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* **03-04-18**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	550	1.29%
2	BMP	130	0.48%
3	BVH	220	1.11%
4	CII	600	0.95%
5	CTD	100	0.82%
6	CTG	1,210	2.29%
7	DHG	150	0.88%
8	DPM	510	0.58%
9	FPT	1,380	4.43%
10	GAS	310	2.20%
11	GMD	520	0.81%
12	HPG	2,960	9.11%
13	HSG	680	0.81%
14	KDC	400	0.80%
15	MBB	3,240	6.05%
16	MSN	1,360	8.13%
17	MWG	670	3.85%
18	NT2	280	0.45%
19	NVL	800	3.01%
20	PLX	380	1.68%
21	REE	600	1.20%
22	ROS	380	2.86%
23	SAB	310	3.85%
24	SBT	1,090	0.99%
25	SSI	1,040	2.21%
26	STB	5,280	4.35%
27	VCB	1,170	4.52%
28	VIC	1,990	12.77%
29	VJC	730	8.69%
30	VNM	810	8.44%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,909,135,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)

1,916,338,091

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)

7,202,591

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	106,810	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 03-04-18	Kỳ trước/Last period 02-04-18	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	8	22	-14
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	254,000,000	254,800,000	-800,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	18,960	19,100	-140
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,924,988,893,495	4,834,098,569,486	90,890,324,009
của một lô ETF/per Creation Unit	1,916,338,091	1,886,845,656	29,492,435
của một chứng chỉ quỹ/per Share	19,163.38	18,868.45	294.93
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,246.59	1,257.59	-11.00

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO